TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06/5/2020
V/v " Ly hôn với người bị tuyên bố mất tích"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiễu

2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Ông Bùi Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn với người bị tuyên bố mất tích theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, Thông báo tạm dừng mở phiên tòa sơ thẩm số 298/TB-TA ngày 17/3/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa sơ thẩm số 426/TB-TA ngày 20/4/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Quốc B, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (C*ó đơn xin xử vắng mặt)*

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 19xx

Nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (V*ắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trịnh Quốc B trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc C tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/02/2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình anh tại thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2015 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do chị C bị sảy thai nên nảy sinh tâm trạng buồn chán, chị C cũng không còn thiết tha gì với cuộc hôn nhân giữa chị và anh biểu hiện là vợ chồng hay cãi vã, bất đồng quan điểm và chị C nhiều lần tỏ ý muốn bỏ nhà đi. Mặc dù anh và gia đình đã động viên, khuyên bảo chị C nhiều lần nhưng chị C không nghe nên đã tự ý bỏ nhà đi đến nay vẫn chưa trở về địa phương, không ai trong gia đình liên lạc được cũng như không có tin tức gì của chị C. Anh B đã có nhiều biện pháp tìm kiếm chị C nhưng không có kết quả, do đó anh đã có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị C mất tích theo quy định pháp luật. Tháng 11/2019 Tòa án đã ra Quyết định tuyên bố chị C mất tích, từ đó đến nay chị C vẫn chưa trở về cũng không có tin tức gì về việc chị C còn sống hay đã chết. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh và chị C không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị C không có tài sản gì chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị C đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03/2019/QĐST-DS ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng cho chị C tại gia đình chị C, anh B, trụ sở UBND xã T và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư nhưng hiện nay chị C vẫn chưa trở về địa phương và không có tin tức gì. Vì chị C không có mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của chị C.

***** Bà Bùi Thị B1, sinh năm 19xx, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, là mẹ đẻ của anh Trịnh Quốc B trình bày:

Anh Trịnh Quốc B là con trai út trong gia đình bà. Năm 2014 anh B kết hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc C do cả hai tự nguyện đến với nhau, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn cả hai anh chị đề chung sống cùng với gia đình bà tại thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Cuộc sống của anh chị hạnh phúc và chị C đã có thai, tuy nhiên do bị sảy thai nên tư tưởng của chị C chán nản, buồn bã, chẳng quan tâm và thiết tha gì đến chồng là anh B. Từ đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên. Anh Bvà gia đình bà đã khuyên bảo và hết sức động viên tinh thần chị C nhưng chị C vẫn không thay đổi. Sau đó, chị C đã bỏ nhà đi từ khoảng tháng 8/2015, không để lại tin tức, địa chỉ, cũng không để lại bất cứ tài sản, đồ đạc tư trang cá nhân gì. Từ khi chị C bỏ đi, gia đình bà cùng anh B đã tìm và

nhờ anh em bạn bè tìm kiếm chị C khắp nơi nhưng không thấy. Sau đó do thời gian đã quá lâu nên anh B đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố chị C mất tích. Tòa án đã có quyết định tuyên bố chị C mất tích. Nay để đảm bảo quyền lợi cho con trai bà là anh Trịnh Quốc B, bà thay mặt gia đình đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh B được ly hôn chị C.Về con chung: Anh B và chị C không có con chung.Về tài sản chung và nợ chung: Anh B và chị C không có tài sản gì chung và không có khoản nợ chung nào, cũng không đóng góp được gì khi vợ chồng anh chị chung sống cùng gia đình bà.

Quá trình xác minh, đại diện Ủy ban nhân dân xã T và cơ sở thôn H, xã Việt Thuận trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị C đúng như anh B trình bày. Từ năm 2015 đến nay, chị C bỏ nhà đi và vẫn chưa trở về địa phương, không có tin tức gì. Nay anh B có đơn xin ly hôn chị C, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh B được ly hôn chị C theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho anh B. Về con chung, anh chị không có con chung. Về tài sản, anh chị không có tài sản chung là bất động sản tại địa phương, không có vay nợ tài sản của các tổ chức tín dụng, đoàn thể tại địa phương.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình về quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn anh Trịnh Quốc B và bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc C là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo quyền lợi cho bị đơn là chị C. Tại phiên Tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định pháp luật của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Quốc Bảo. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Quốc B và chị Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn với nhau. Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh B, chị C không có con chung nên không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu. Án phí: Anh B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc C, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết là đúng với quy định pháp luật. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc C đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Nguyên đơn là anh Trịnh Quốc B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau và chị C tự ý bỏ nhà đi, nguyên nhân là do chị C bị sảy thai nên nảy sinh buồn chán. Từ tháng 8/2015 đến nay, chị C bỏ nhà đi vẫn chưa trở về, cũng không có tin tức gì. Tháng 11/2019, Tòa án có quyết định tuyên bố chị C mất tích. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và qua lời trình bày của đại diện gia đình anh B thì sau khi bị tuyên bố mất tích đến nay, chị C cũng chưa trở về địa phương và không có tin tức gì. Xét thấy hôn nhân giữa anh B và chị C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, chị C đã bị tuyên bố mất tích, vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Trịnh Quốc B: Xử cho anh Trịnh Quốc B được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc C.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh B và chị C không có con chung, anh Bảo không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị C không có lời trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy chưa đủ căn cứ để xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của anh B và chị C. Do đó cần tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1và khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Quốc B. Anh Trịnh Quốc B được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc C.

[2]. Về án phí: Anh Trịnh Quốc B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003672 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Anh B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo: Anh Trịnh Quốc B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Ngọc C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: xx quyển 01 ngày 12/02/20xx)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Thoan